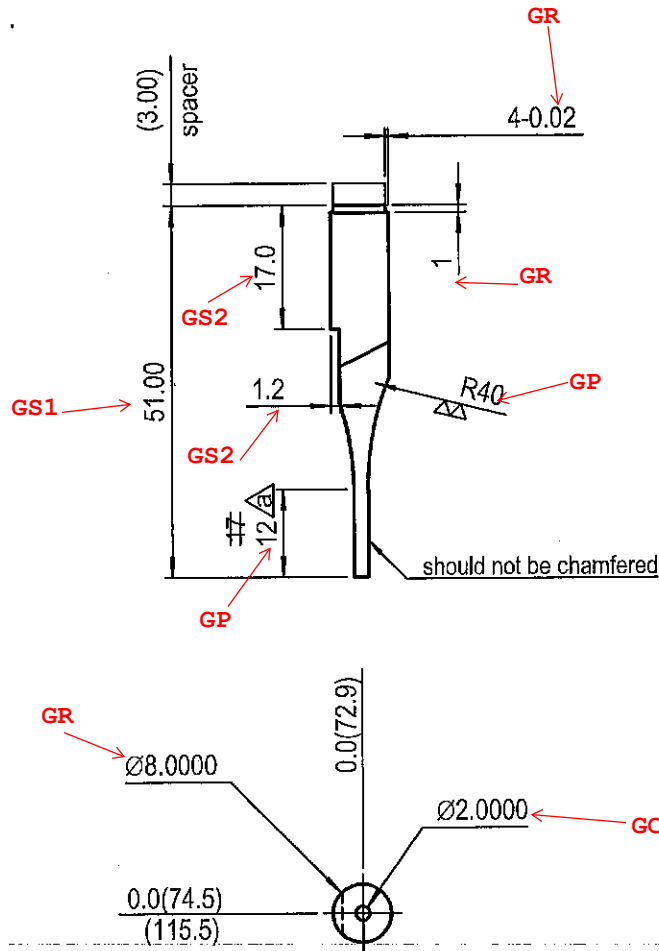


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/09/14	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2019/11/01	製品図変更(同視物)		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△							0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△							0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△							0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
									0.0 -0	+0.1 -0
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							G ▽▽▽ (▽▽)			



△ (共立合金製 KX01) が材質証明必要との事です

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(V50)		部品図	穴径抜きパンチ
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	BORE BLANKING PUNCH
Lin_Wei_Cheng		1:1	部品図	孔径穿孔沖頭
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	部品圖	孔径穿孔沖頭
Lin_Wei_Cheng	HRC ~	A4V	DATE	DWG.No.
			2018/09/14	R179390

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 205 0344

φ9 × 70

2 A GP GS2 AF

200

A5

100

150

90

SNO: **R179390**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCV50 Ø9*70	GR:50 GS:30 GC:50 GP:30 GS2:30 KT